TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1xxx; nơi thường trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh H; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1xxx; nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2025 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, chị Phạm Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 15 tháng 5 năm 2023. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và đến cuối năm 2024 anh Nguyễn Văn T vi phạm pháp luật và bị tạm giam cho đến nay. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong biên bản lấy lời khai đề ngày 05 tháng 3 năm 2025 cùng các lời khai với Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, anh Nguyễn Văn T (bị đơn) trình bày:

Anh Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Phạm Thị N là đúng. Nếu chị Phạm Thị N đề nghị kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn vì xác định hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm. Về con chung anh và chị Phạm Thị N không có. Về tài sản chung anh không có đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã T theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T. Về con chung chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến cuối năm 2024 anh Nguyễn Văn T bị tạm giam cho đến nay, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn nếu chị Phạm Thị N kiên quyết xin ly hôn. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Phạm Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0009554 ngày 18 tháng 02 năm 2025. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã T, huyện Vĩnh Bảo;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Tuyến **Ngô Minh Tâm** **Lê Trung Hiếu**